

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

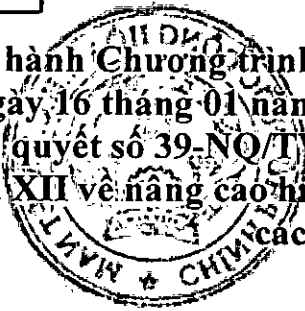
Số: 12 /NQ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

GÓNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: C
	Ngày: 16/01/2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế



CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

Căn cứ Kết luận số 115-KL/TW ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

Điều 3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). **70**

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG



Phạm Minh Chính



CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Kết luận số 115-KL/TW ngày 16 tháng 01 năm 2025
của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW
ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị khóa XII
về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng
và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế
(Kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-CP
ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Kết luận số 115-KL/TW ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (sau đây viết gọn là Kết luận số 115-KL/TW). Xác định các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chính phủ nhằm quán triệt và chỉ đạo các ngành, các cấp tổ chức thực hiện Kết luận số 115-KL/TW.

2. Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Chính phủ đến năm 2030 làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, chương trình, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 115-KL/TW và Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị khóa XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế.

3. Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 115-KL/TW của Chính phủ đến năm 2030 bao gồm các nhiệm vụ đề ra trong các kế hoạch, chương trình, đề án, dự án về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã được phê duyệt và xây dựng, triển khai thực hiện một số nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án mới đến năm 2030.

4. Đến năm 2030, phấn đấu đạt một số mục tiêu cụ thể sau:

a) Đối với nguồn nhân lực

- Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân đạt khoảng 8,5%/năm. Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ đạt 35 - 40%. Tỷ lệ người dân trong độ

tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%, có khả năng cung cấp nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao cho khu vực và thế giới. Tỷ lệ lao động làm việc trong khu vực phi chính thức giảm xuống dưới 40%. Tỷ lệ thất nghiệp chung dưới 3%.

- Bảo đảm vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia. Tuổi thọ bình quân đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm. Chỉ số phát triển con người (HDI) phân đầu đạt khoảng 0,78.

b) Đối với nguồn vật lực

- Đến năm 2030, hoàn thành các dự án hạ tầng trọng điểm quốc gia, quy mô lớn, kết nối với khu vực và thế giới.

- Đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản), tái sử dụng, tái chế chất thải tương đương với các nước dẫn đầu ASEAN. Giảm tiêu hao năng lượng tính trên đơn vị GDP ở mức 1 - 1,5%/năm.

c) Đối với nguồn tài lực

- Bảo đảm an toàn, an ninh tài chính quốc gia. Nợ công, nợ chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia nằm trong ngưỡng an toàn theo quy định của Quốc hội.

- Tổng đầu tư xã hội bình quân 5 năm đạt khoảng 40% GDP, tỷ lệ đầu tư công chiếm 20 - 22% tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 120% GDP. Dư nợ thị trường trái phiếu đạt tối thiểu 58% GDP. Quy mô doanh thu của ngành bảo hiểm đạt 3,3 - 3,5% GDP. Tổng mức dự trữ quốc gia đạt 0,5% GDP.

d) Đối với các nguồn lực quan trọng khác

- Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng trên 55%. Chỉ số hiệu quả môi trường (EPI) đạt trên 55. Phân đầu thuộc nhóm 50 quốc gia đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số. Kinh tế dữ liệu tăng gấp 3 lần tăng trưởng GDP. Tỷ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Tỷ trọng công nghiệp công nghệ số trong GDP tối thiểu 8%. Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 45%.

- Số lượng doanh nghiệp được xếp vào danh sách doanh nghiệp có giá trị thương hiệu cao nhất của các tổ chức xếp hạng uy tín trên thế giới tăng 10% mỗi năm. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số đạt tương đương các nước phát triển.

- Phân đầu đến năm 2030, tổng thu du lịch khoảng 13 - 14% GDP.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ và giải pháp chung

Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong quá trình triển khai chức năng, nhiệm vụ được giao cần tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

a) Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của nền kinh tế, bảo đảm phù hợp với đường lối phát triển nhanh, bền vững của đất nước, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và phù hợp với Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Thể chế phải được xây dựng đồng bộ cả ở phương diện tháo gỡ các điểm nghẽn trong phát triển và kiến tạo động lực tăng trưởng mới, với mục tiêu huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nhất mọi nguồn lực từ Nhà nước, xã hội và người dân cho sự nghiệp phát triển đất nước. Có cơ chế, chính sách hữu hiệu để người dân tin tưởng, an tâm bỏ vốn đầu tư, kinh doanh thay vì tích trữ vàng; hạn chế đầu cơ đất đai, bất động sản.

b) Thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả các luật, pháp lệnh đã được ban hành. Chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, nhất là các luật, pháp lệnh thuộc Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 đã được điều chỉnh, bảo đảm yêu cầu: kiên quyết xóa bỏ tư duy “không quản được thì cấm”, khắc phục tình trạng chòng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản quy phạm pháp luật; mỗi vấn đề, mỗi nội dung chỉ quy định tại một luật duy nhất. Cải cách thể chế hành chính theo hướng đơn giản, minh bạch, hiện đại; triệt để phân cấp, phân quyền đi đôi với hậu kiểm và đề cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu; chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm” trong quản lý nhà nước. Pháp luật phải bảo đảm tính minh bạch, thống nhất, ổn định, khả thi và có tầm nhìn chiến lược dài hạn.

c) Tiếp tục tinh gọn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, năng lực điều hành và khả năng kiến tạo phát triển. Tăng cường phân cấp, phân quyền đi đôi với kiểm tra, giám sát chặt chẽ và xác định rõ trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng các nguồn lực kinh tế.

d) Tổng kết thực tiễn, hoàn thiện thể chế trên cơ sở luật hóa các cơ chế, chính sách đặc thù, các mô hình thí điểm đã được kiểm nghiệm hiệu quả; đồng thời nghiên cứu mở rộng phạm vi, đối tượng áp dụng phù hợp với thực tiễn phát triển và yêu cầu đổi mới sáng tạo trong từng lĩnh vực, địa phương.

đ) Đổi mới toàn diện công tác quy hoạch theo hướng thống nhất, đồng bộ, khả thi, bền vững, gắn kết giữa các ngành, các vùng, các cấp và giữa quy hoạch với kế hoạch phát triển. Xác định quy hoạch là công cụ chủ yếu để huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Khắc phục tình trạng cục bộ, chông chéo, “xin - cho”; bảo đảm công khai, minh bạch trong lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, cơ sở dữ liệu dùng chung trong quản lý và giám sát thực hiện quy hoạch.

e) Rà soát, kiểm kê, đánh giá và cập nhật đầy đủ các nguồn lực của nền kinh tế, bao gồm cả nguồn lực vật chất và phi vật chất, truyền thống và hiện đại; xây dựng cơ sở dữ liệu số hóa, liên thông, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, làm căn cứ cho hoạch định chính sách và quản lý hiệu quả. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong quản lý, dự báo, theo dõi, giám sát việc sử dụng nguồn lực, phục vụ quá trình hoạch định và điều chỉnh chính sách phù hợp với thực tiễn phát triển.

g) Xử lý dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng làm chậm đưa nguồn lực vào sử dụng, như quy hoạch treo, dự án ách tắc thủ tục, đất công bỏ hoang, tài sản tranh chấp, vụ việc tồn đọng... Phối hợp liên ngành hiệu quả, gắn trách nhiệm người đứng đầu với hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực trên thực tế.

2. Nhiệm vụ và giải pháp đối với từng nhóm nguồn lực

a) Đối với nguồn nhân lực

- Bộ Giáo dục và Đào tạo

+ Chủ trì triển khai hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo (sau đây gọi là Nghị quyết số 71-NQ/TW) theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Hoàn thiện hệ thống giáo dục mở, liên thông, công bằng, thúc đẩy học tập suốt đời; đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển đại học số, đào tạo mở, trực tuyến.

+ Xây dựng chính sách đào tạo nhân lực cho các ngành ưu tiên, khoa học cơ bản, công nghệ nền tảng và lĩnh vực mới nổi như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, chip bán dẫn, năng lượng tái tạo, hydrogen xanh, điện hạt nhân...

+ Triển khai giải pháp nâng cao năng lực ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách và đầu tư nguồn lực để phát triển đại học quốc gia, đại học vùng thành trung tâm đào tạo - nghiên cứu chất lượng cao; phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt chuẩn khu vực, quốc tế.

+ Hoàn thiện tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp phù hợp với hệ thống chức danh, tiêu chuẩn đào tạo và yêu cầu thị trường lao động.

+ Hoàn thiện cơ chế tự chủ, nâng cao năng lực quản trị và chất lượng đào tạo trong các cơ sở giáo dục.

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng nghiệp và phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc định hướng nghề nghiệp cho học sinh. Chủ động tạo điều kiện để học sinh sớm tiếp cận các chương trình đào tạo nghề nghiệp phù hợp, góp phần hình thành đội ngũ lao động có kỹ năng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, tránh lãng phí về thời gian, nguồn lực và chi phí của xã hội.

- Bộ Nội vụ

+ Chủ trì xây dựng chính sách phát triển thị trường lao động hiện đại, xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động, ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo trong quản lý hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động hiệu quả.

+ Nghiên cứu và xây dựng các chính sách lao động, việc làm đáp ứng xu hướng già hóa dân số nhanh.

+ Xây dựng cơ chế phối hợp liên vùng, liên ngành trong quản lý di cư lao động, bảo đảm an toàn, bền vững, gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

+ Triển khai cải cách tiền lương, thực hiện trả lương theo vị trí việc làm gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc, bảo đảm công bằng và khuyến khích đổi mới sáng tạo.

+ Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và địa phương nâng cao năng lực phân tích, dự báo nhu cầu nguồn nhân lực của đất nước trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, bảo đảm cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn để Chính phủ chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo, phân bổ chỉ tiêu và đặt hàng đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp, đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, không để xảy ra tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực cho các nhiệm vụ chiến lược phát triển đất nước.

- Bộ Y tế

+ Xây dựng và thực hiện chính sách dân số theo hướng dân số và phát triển; chuyển trọng tâm từ kế hoạch hóa gia đình sang nâng cao chất lượng dân số.

+ Xây dựng chính sách để nâng tỷ lệ sinh đạt mức thay thế bền vững, phù hợp với đặc thù vùng, miền, nhóm dân cư.

+ Tập trung cải thiện toàn diện sức khỏe người dân, nâng cao thể chất, tinh thần, tầm vóc và tuổi thọ.

+ Phối hợp hoàn thiện cơ sở dữ liệu an sinh xã hội, thúc đẩy cung cấp dịch vụ y tế số nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc sức khỏe.

- Bộ Khoa học và Công nghệ

+ Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực y tế, dân số và an sinh xã hội, nhất là công nghệ sinh học, y học chính xác, AI.

+ Hỗ trợ phát triển các nền tảng số và công nghệ phục vụ cung cấp dịch vụ xã hội số.

+ Theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ các bộ, ngành, địa phương trong quá trình triển khai Quy hoạch mạng lưới tổ chức khoa học và công nghệ công lập thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 góp phần kiến tạo nền tảng vững chắc cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia.

- Bộ Công an

+ Chủ trì kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư với hệ thống cơ sở dữ liệu an sinh xã hội; bảo đảm đồng bộ, chính xác, bảo mật thông tin.

+ Hỗ trợ xác thực danh tính công dân trong cung cấp dịch vụ công, dịch vụ xã hội số liên quan đến dân số, y tế, giáo dục và an sinh.

+ Phối hợp trong việc quản lý, giám sát biến động dân số phục vụ công tác hoạch định chính sách dân số và phát triển.

- Bộ Ngoại giao

Triển khai Đề án “Cơ sở dữ liệu về người Việt Nam ở nước ngoài” bao gồm cơ sở dữ liệu về chuyên gia, tri thức người Việt Nam ở nước ngoài.

- Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm:

+ Triển khai thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ; gắn với nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao chất lượng dân số.

+ Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực, giáo dục - đào tạo, dân số - xã hội vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương; xác định đây là một trong những đột phá chiến lược cần tập trung thực hiện.

+ Chủ động phối hợp xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nhân lực các ngành Nhà nước ưu tiên phát triển, các ngành công nghệ nền tảng, các ngành khoa học cơ bản; thúc đẩy phát triển đại học số, đào tạo mở, học tập suốt đời, nâng cao năng lực ngoại ngữ và kỹ năng số cho người học.

+ Xác định danh mục vị trí việc làm cần thu hút nhân lực chất lượng cao trong khu vực công; xây dựng khung chính sách linh hoạt, cạnh tranh, phù hợp thông lệ quốc tế.

+ Đầu tư, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực, nhất là từ ngân sách nhà nước, hợp tác công - tư, viện trợ quốc tế... cho phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng dân số và phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt.

+ Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu đồng bộ, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, phục vụ quản lý dân cư, giáo dục, đào tạo, an sinh xã hội và thị trường lao động; thúc đẩy cung cấp dịch vụ xã hội, dịch vụ học tập và việc làm trên nền tảng số.

+ Tổ chức thực hiện các chính sách nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số nhanh, phát triển dân số bền vững; chú trọng chăm sóc sức khỏe toàn diện, cải thiện tâm vóc, thể chất, tuổi thọ và đời sống tinh thần cho người dân.

+ Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, AI trong hoạt động đào tạo, kết nối việc làm, dự báo nhu cầu nhân lực, quản lý di cư lao động; từng bước hoàn thiện hệ sinh thái học tập và làm việc trên nền tảng số.

+ Xây dựng và thực hiện chính sách đãi ngộ, thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyên gia trong các ngành then chốt, lĩnh vực mũi nhọn; đổi mới cơ chế tuyển dụng, trả lương gắn với năng suất, hiệu quả công việc; thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực công và tư.

b) Đối với nguồn vật lực

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường

+ Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật để áp dụng hiệu quả các công cụ theo nguyên tắc kinh tế thị trường trong quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Tổ chức quản lý chặt chẽ tài nguyên thiên nhiên, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản.

+ Tổ chức thăm dò, kiểm kê, đánh giá trữ lượng và khả năng tái tạo tài nguyên, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm, bô-xít và khoáng sản quan trọng.

+ Xây dựng hệ thống chiến lược, quy hoạch, tiêu chuẩn khai thác tài nguyên, hình thành cơ chế giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng.

+ Thực hiện quy hoạch tài nguyên phục vụ phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn, thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng ven biển và khu vực dễ tổn thương. Đồng thời, quy hoạch tài nguyên cần gắn với phát triển chuỗi công nghiệp trọng điểm.

+ Bảo vệ và sử dụng bền vững đất, nước, rừng, đa dạng sinh học, phục vụ sản xuất và bảo vệ môi trường sinh thái.

+ Xây dựng cơ chế vượt trội quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên chiến lược, xử lý vướng mắc tại các dự án khoáng sản lớn, thúc đẩy cấp phép, quy hoạch, bảo vệ môi trường trong khai thác.

+ Xây dựng nguồn lực dự trữ quốc gia đối với các mặt hàng về nông nghiệp để xuất cứu trợ, hỗ trợ trong các tình huống đột xuất, cấp bách, đồng thời nghiên cứu đưa vào dự trữ quốc gia các mặt hàng là khoáng sản chiến lược, thiết yếu.

- Bộ Tài chính

+ Chủ trì tham mưu, trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn lực để thực hiện các chính sách, chủ trương của Đảng, Nhà nước (bố trí ít nhất 3% tổng chi ngân sách năm 2025 cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tiếp tục nâng lên thành 2% GDP trong 5 năm tiếp theo; bố trí đủ vốn cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, các công trình hạ tầng trọng điểm như xây dựng 5.000 km đường bộ cao tốc, mở rộng cao tốc Bắc - Nam, đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, sân bay Long Thành (giai đoạn 2), mở rộng sân bay Nội Bài, đường sắt đô thị Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh...).

+ Hình thành cụm kinh tế biển đa ngành, phát triển hạ tầng cho khu công nghiệp, khu chế xuất, khu thương mại tự do thế hệ mới.

+ Điều chỉnh chiến lược hạ tầng công nghiệp, gắn với các công trình trọng điểm: cao tốc kết nối cảng biển, trung tâm logistics, cảng cá và khu neo đậu tàu cá.

+ Bảo đảm nguồn lực tài chính đa dạng (ngân sách nhà nước, nguồn vốn xã hội hóa, PPP); đề xuất cơ chế tài chính đặc thù cho các công trình lớn.

+ Nghiên cứu thành lập Quỹ phát triển hạ tầng; hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư tư nhân vào hạ tầng.

+ Rà soát, xử lý các vướng mắc tại các dự án chậm triển khai, nhất là các dự án đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào sử dụng.

+ Rà soát, xây dựng cơ chế phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất thế hệ mới làm động lực phát triển vùng và cả nước.

+ Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát tài chính, bảo đảm hiệu quả đầu tư công, phòng chống thất thoát, lãng phí.

+ Hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công.

+ Đổi mới quản lý tài chính doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả đầu tư vốn nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch.

+ Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân (Nghị quyết số 68-NQ/TW).

+ Xây dựng lực lượng dự trữ quốc gia có quy mô đủ mạnh, cơ cấu hợp lý, danh mục mặt hàng chiến lược, thiết yếu, đảm bảo cứu trợ, hỗ trợ nhanh, kịp thời, hiệu quả trong các tình huống đột xuất, cấp bách, đảm bảo quốc phòng, an ninh, an sinh xã hội và là công cụ hữu hiệu để điều tiết thị trường và thực hiện các nhiệm vụ khác được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

- Bộ Công Thương

+ Phát triển các chuỗi giá trị công nghiệp gắn với khai thác, chế biến sâu đất hiếm, bô-xít, alumin, nhôm; thúc đẩy hình thành các ngành công nghiệp công nghệ cao như điện tử, bán dẫn, pin mặt trời, xe điện, thiết bị y tế, quốc phòng, an ninh.

+ Rà soát, tháo gỡ khó khăn cho các dự án khai khoáng lớn; thu hút đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao.

+ Đánh giá thực hiện quy hoạch và điều chỉnh kịp thời các quy hoạch ngành năng lượng, đặc biệt là Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng và yêu cầu phát triển.

+ Xây dựng cơ chế phát triển các nguồn năng lượng mới, sạch và bền vững như điện gió ngoài khơi, điện hạt nhân sử dụng công nghệ tiên tiến, an toàn.

+ Sửa đổi pháp luật, tháo gỡ vướng mắc cho các dự án hạ tầng năng lượng, thúc đẩy đầu tư, sớm khởi công và vận hành các dự án điện lớn, có ý nghĩa chiến lược.

- + Phát triển lưới điện thông minh, hiện đại, tích hợp năng lượng tái tạo; tiết kiệm năng lượng và quản lý nhu cầu điện hiệu quả.

- + Chủ trì phát triển trung tâm logistics, cảng trung chuyển quốc tế lớn, kết nối cao tốc, đường sắt, cảng biển cửa ngõ quốc tế.

- + Xây dựng nguồn lực dự trữ quốc gia đối với các mặt hàng xăng dầu, dầu thô để xuất cứu trợ, hỗ trợ trong các tình huống đột xuất, cấp bách, và thực sự trở thành mặt hàng dự trữ chiến lược, đảm bảo an ninh năng lượng, là công cụ của Nhà nước để điều tiết thị trường.

- Bộ Khoa học và Công nghệ

- + Chủ trì nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến khoáng sản và sản xuất các sản phẩm công nghiệp công nghệ cao.

- + Phát triển năng lực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn, công nghiệp vật liệu mới.

- + Xây dựng nền tảng khoa học, công nghệ và sở hữu trí tuệ cho các chuỗi giá trị quan trọng.

- Bộ Quốc phòng

- + Ưu tiên phát triển công nghiệp quốc phòng hiện đại, lưỡng dụng, sử dụng vật liệu, thiết bị công nghệ cao từ đất hiếm, bô-xít; liên kết với công nghiệp dân sinh tại các khu kinh tế - quốc phòng.

- + Tham gia khai thác, kiểm soát, bảo vệ các khu vực tài nguyên trọng yếu gắn với nhiệm vụ quốc phòng.

- + Bảo đảm quốc phòng, an ninh trong quy hoạch và đầu tư các công trình hạ tầng trọng điểm như: cao tốc Bắc - Nam, đường sắt cao tốc, cảng hàng không quốc tế, cảng biển quốc tế, đường sắt kết nối biên giới.

- Bộ Công an

- + Xây dựng và phát triển công nghiệp an ninh lưỡng dụng, hiện đại, công nghệ cao, sử dụng đất hiếm và khoáng sản chiến lược.

- + Đảm bảo an ninh, an toàn cho các dự án khai thác, chế biến khoáng sản và hạ tầng công nghiệp trọng yếu; giám sát, phòng ngừa thất thoát tài nguyên quý.

- + Phối hợp quy hoạch không gian ngầm đô thị, tích hợp các giải pháp an toàn phòng cháy chữa cháy, an ninh dữ liệu và giám sát thông minh.

- Bộ Xây dựng

+ Chủ trì hướng dẫn quy hoạch, thiết kế và phát triển hạ tầng đô thị thông minh, đồng bộ, nhất là tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh; tích hợp khai thác không gian ngầm hiệu quả.

+ Hướng dẫn triển khai các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng cho các công trình hạ tầng trọng điểm như: đường sắt cao tốc Bắc - Nam, metro, sân bay Long Thành và Nội Bài, trung tâm logistics, khu neo đậu tránh trú bão, công trình thủy lợi đa mục tiêu.

+ Chuyển giao công nghệ đường sắt cao tốc, đường sắt đô thị; phát triển vật liệu tính năng cao, vật liệu tái chế nhằm giảm thiểu sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Tham mưu, xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách và hệ thống pháp luật theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, phát triển bền vững và thích ứng dài hạn.

+ Phối hợp hiệu quả trong công tác quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kết nối liên vùng, liên ngành; chú trọng các lĩnh vực then chốt như giao thông, năng lượng, đô thị, logistics, hạ tầng thủy lợi, khu công nghiệp - khu chế xuất thế hệ mới, hạ tầng quốc phòng - an ninh lưỡng dụng.

+ Phối hợp phát triển các ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo như điện gió ngoài khơi, điện hạt nhân công nghệ cao, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng; đồng thời đẩy nhanh thực hiện các quy hoạch ngành năng lượng gắn với cải cách thể chế và tháo gỡ các điểm nghẽn về đầu tư, pháp lý và vận hành.

+ Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực đầu tư phát triển, nhất là thông qua Quỹ phát triển hạ tầng, hợp tác công tư (PPP); chủ động rà soát, xử lý dứt điểm các vướng mắc tại các dự án đầu tư chậm tiến độ, dự án đã hoàn thành nhưng chưa đưa vào vận hành hiệu quả.

+ Thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước, phát triển kinh tế tập thể theo mô hình hiện đại; tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh, bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và cơ hội phát triển theo Nghị quyết số 68-NQ/TW.

+ Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công, nhất là trong các lĩnh vực tài nguyên - môi trường, năng lượng, đầu tư công, doanh nghiệp và phát triển hạ tầng; đồng thời xây dựng, khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia chuyên ngành.

+ Rà soát, đánh giá, tổng kết và kiến nghị hoàn thiện thể chế, cơ chế thực hiện các chính sách phát triển, bảo đảm thống nhất, liên thông giữa trung ương và địa phương; phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của các địa phương trong điều hành, thu hút đầu tư, phát triển bền vững và nâng cao chất lượng sống của nhân dân.

c) Đối với nguồn tài lực

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ sau:

+ Cơ cấu chi ngân sách

. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, ưu tiên cao nhất cho chi đầu tư phát triển.

. Đổi mới cơ chế phân cấp quản lý và phân bổ ngân sách để bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và tính chủ động của ngân sách địa phương.

+ Tài chính công và quản lý nợ

. Triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện xếp hạng tín nhiệm quốc gia.

. Quản lý chặt chẽ nợ công, bảo đảm an toàn nợ công.

. Quản lý và kiểm soát rủi ro tài khóa, đảm bảo an toàn nợ công và bền vững ngân sách.

. Kiểm soát vốn vay đầu tư gắn với hiệu quả sử dụng và khả năng trả nợ.

+ Phát triển hệ sinh thái tài chính lành mạnh

. Xây dựng kênh đầu tư tài chính đa dạng để huy động vốn nhàn rỗi trong dân cư: thị trường chứng khoán, trái phiếu, bảo hiểm, hưu trí tự nguyện...

. Hạn chế đầu cơ vàng, bất động sản, khuyến khích đầu tư sản xuất, kinh doanh.

. Hoàn thiện thể chế pháp lý và chính sách phát triển trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; thực hiện các giải pháp để nâng hạng thị trường chứng khoán.

. Ban hành quy định cho phép Quỹ Bảo hiểm xã hội đầu tư vào tài sản ngoài trái phiếu Chính phủ, phát triển mạnh quỹ hưu trí tư nhân.

+ Thu hút và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn vay, viện trợ của nước ngoài cho Chính phủ.

. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030 và Chiến lược hợp tác đầu tư nước ngoài 2021 - 2030 được ban hành theo Quyết định số 667/QĐ-TTg ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ (Nghị quyết số 50-NQ/TW và Quyết định số 667/QĐ-TTg).

. Ưu tiên huy động vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho các ngành chiến lược và hạ tầng trọng điểm.

+ Nâng cao vai trò của dự trữ quốc gia:

. Rà soát, hoàn thiện các cơ chế chính sách về dự trữ quốc gia để mở rộng phạm vi, tăng cường nguồn lực dự trữ quốc gia, sửa đổi, bổ sung danh mục hàng dự trữ quốc gia và phân công quản lý, trong đó nghiên cứu bổ sung các mặt hàng chiến lược, thiết yếu như tài nguyên thiên nhiên là khoáng sản chiến lược, không tái tạo để đưa vào dự trữ quốc gia trong giai đoạn tới.

. Ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước tăng chi cho dự trữ quốc gia; xây dựng hệ thống kho dự trữ quốc gia theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, phân tích dữ liệu lớn trong công tác dự trữ quốc gia, từng bước hiện đại hóa toàn diện ngành dự trữ, đảm bảo nâng cao vai trò, hiệu quả của hoạt động dự trữ quốc gia trong các tình huống đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, đảm bảo quốc phòng, an ninh, là công cụ điều tiết thị trường, góp phần ổn định nền kinh tế vĩ mô.

+ Quản lý tài sản công

. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chính sách quản lý, sử dụng tài sản công (trong đó bao gồm quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý).

. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong quản lý, sử dụng tài sản công.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

+ Chủ trì cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với nâng cao năng lực tài chính, quản trị rủi ro và xử lý nợ xấu.

+ Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách khác nhằm góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

+ Khuyến khích các tổ chức tín dụng mở rộng các sản phẩm tín dụng xanh, tín dụng số, tín dụng vi mô, tín dụng khởi nghiệp.

+ Phối hợp xây dựng thể chế và chính sách phát triển trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý.

- Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Tham gia hoàn thiện thể chế tài chính - ngân sách, cơ cấu lại nguồn thu và chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, hiện đại, minh bạch và phù hợp với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Tham gia thực hiện các giải pháp nâng cao xếp hạng tín nhiệm quốc gia, quản lý nợ công an toàn, hiệu quả; kiểm soát chặt chẽ việc vay, sử dụng vốn vay và bảo đảm khả năng trả nợ trong trung và dài hạn, nhất là tại các địa phương có dư nợ lớn.

+ Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, hấp dẫn, tăng niềm tin và khuyến khích người dân, doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất, kinh doanh thay vì tích trữ, đầu cơ.

+ Phối hợp triển khai các chính sách phát triển thị trường tài chính - tiền tệ, bao gồm thị trường vốn, bảo hiểm, hưu trí tự nguyện, tín dụng xanh, tín dụng số, tín dụng vi mô và khởi nghiệp. Tạo điều kiện hình thành các trung tâm tài chính quốc tế, khu vực tại các đô thị lớn.

+ Tham gia thu hút, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn FDI và ODA; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp trong nước và FDI; ưu tiên các dự án có giá trị gia tăng cao, gắn với chuyển giao công nghệ, phát triển hạ tầng và chuỗi giá trị nội địa.

d) Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Bộ Khoa học và Công nghệ

+ Chủ trì triển khai toàn diện, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW, tạo xung lực mới cho tăng trưởng nhanh, bền vững.

+ Ứng dụng mạnh mẽ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất và đời sống nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, chống lãng phí, thúc đẩy phát triển bền vững.

+ Ưu tiên nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tiên tiến phục vụ khai thác, bảo vệ và phát triển bền vững các nguồn lực chiến lược như không gian vũ trụ,

mặt nước, đại dương, đáy biển, góp phần nâng cao năng lực làm chủ khoa học công nghệ trong tương lai.

+ Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số, phát triển sản phẩm và mô hình kinh doanh mới.

- Bộ Ngoại giao

Đẩy mạnh công tác ngoại giao công nghệ trong khuôn khổ song phương và đa phương nhằm thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

- Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Khẩn trương xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hành động cụ thể để triển khai toàn diện, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong quá trình hoạch định và thực thi chính sách phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương.

+ Ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong mọi lĩnh vực, đặc biệt trong quản lý nhà nước, sản xuất kinh doanh, giáo dục đào tạo, y tế, tài nguyên môi trường, nông nghiệp, quốc phòng an ninh... nhằm nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phòng chống lãng phí, góp phần nuôi dưỡng, làm giàu nguồn lực cho phát triển bền vững.

+ Ưu tiên đầu tư, nguồn lực cho nghiên cứu và phát triển, nhất là các công nghệ lõi, công nghệ nền tảng; khuyến khích các mô hình hợp tác công - tư, hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng, thương mại hóa công nghệ.

+ Phát triển hạ tầng số, dữ liệu số, nhân lực số và thể chế số đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số toàn diện của quốc gia; từng bước hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại các địa phương, khu vực và ngành kinh tế trọng điểm.

+ Hỗ trợ và thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, mô hình kinh doanh mới gắn với công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, blockchain, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới... nhằm tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

+ Nghiên cứu và triển khai các chương trình mang tính chiến lược, tầm nhìn dài hạn trong việc khai thác và làm chủ không gian vũ trụ, mặt nước, đại

duyệt, đầy đặn... phù hợp với tiềm lực quốc gia và xu hướng phát triển khoa học công nghệ toàn cầu.

đ) Nguồn lực văn hoá, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa chiến lược của quốc gia

- Bộ Xây dựng

+ Chủ trì quy hoạch và phát triển hạ tầng đô thị, các không gian văn hoá đặc thù, đô thị di sản, gắn với bảo tồn giá trị văn hóa và phát triển du lịch.

+ Hướng dẫn xây dựng các trung tâm văn hóa, dịch vụ, du lịch tầm khu vực và quốc tế tại các thành phố lớn và địa phương có tiềm năng.

+ Tích hợp phát triển hạ tầng văn hóa - du lịch trong quy hoạch đô thị, quy hoạch vùng và quy hoạch phát triển ngành xây dựng.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

+ Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035; xây dựng, hoàn thiện thể chế thu hút nguồn lực phát triển văn hóa.

+ Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa, các loại hình nghệ thuật đương đại; ưu tiên kinh tế sáng tạo như: điện ảnh, âm nhạc, thời trang, ẩm thực...

+ Triển khai hiệu quả cơ chế hợp tác công tư để phát triển văn hóa, xây dựng các trung tâm văn hóa, du lịch đẳng cấp, phát triển kinh tế di sản, sản phẩm văn hóa chủ lực.

+ Phối hợp liên ngành, liên vùng trong bảo tồn di sản, phát huy giá trị văn hóa và cảnh quan trong phát triển bền vững du lịch.

- Bộ Ngoại giao

+ Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa, du lịch, kinh tế sáng tạo, quảng bá hình ảnh Việt Nam ra thế giới; tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại phục vụ cho mục tiêu phát triển quốc gia phù hợp với Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

+ Phối hợp xúc tiến thu hút nguồn lực quốc tế góp phần xây dựng và định vị thương hiệu du lịch quốc gia.

+ Đề xuất, thúc đẩy triển khai các cơ chế hợp tác đa phương và song phương để khai thác hiệu quả lợi thế vị trí địa chiến lược của Việt Nam.

- Bộ Quốc phòng

+ Phối hợp quy hoạch và đầu tư hạ tầng giao thông, logistics, văn hóa - du lịch tại khu vực biên giới, hải đảo, vùng sâu vùng xa, bảo đảm kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng.

+ Tham gia bảo tồn, bảo vệ các di tích, không gian văn hóa đặc thù, giữ gìn an ninh cho các trung tâm văn hóa, du lịch trọng điểm.

+ Đảm bảo an toàn, an ninh quốc gia gắn với phát triển các tuyến giao thông, chuỗi hạ tầng liên kết vùng và khu vực.

- Bộ Tài chính

+ Bố trí và cân đối nguồn lực đầu tư công cho các chương trình, dự án phát triển văn hóa, du lịch, hạ tầng liên vùng có tính chất văn hóa - dịch vụ - kinh tế sáng tạo.

+ Xây dựng cơ chế thu hút đầu tư tư nhân, FDI, PPP vào lĩnh vực văn hóa, du lịch, dịch vụ sáng tạo; phát triển hạ tầng văn hóa, các trung tâm du lịch - dịch vụ tầm khu vực và quốc tế.

+ Lồng ghép phát triển công nghiệp văn hóa, dịch vụ sáng tạo vào quy hoạch phát triển vùng, địa phương có tiềm năng.

+ Bảo đảm nguồn lực ngân sách cho Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, phát triển các sản phẩm văn hóa chủ lực.

- Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Phối hợp liên ngành, liên vùng và dài hạn nhằm phát huy lợi thế vị trí địa chiến lược của Việt Nam trong phát triển kết cấu hạ tầng, logistics, du lịch, văn hóa, đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh và mở rộng hợp tác quốc tế.

+ Tổ chức triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035, lồng ghép với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực, địa phương để tạo động lực phát triển bền vững.

+ Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, khuyến khích hình thức hợp tác công - tư, xã hội hóa các hoạt động văn hóa; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, dịch vụ văn hóa theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, có giá trị gia tăng cao.

+ Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ các ngành kinh tế sáng tạo như điện ảnh, âm nhạc, thời trang, ẩm thực...; tạo lập môi trường thuận lợi để các tài năng

sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp văn hóa - sáng tạo có điều kiện phát triển và vươn ra khu vực, thế giới.

+ Hoàn thiện thể chế và chính sách phát triển không gian văn hóa đặc thù, đô thị di sản, gắn kết bảo tồn với khai thác, phát huy giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc dân tộc và cảnh quan thiên nhiên; hình thành các trung tâm văn hóa - du lịch tầm khu vực và quốc tế tại những địa phương có tiềm năng vượt trội.

+ Ưu tiên bố trí và huy động nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế di sản, các sản phẩm văn hóa chủ lực, có giá trị văn hóa, thương mại cao, phục vụ phát triển du lịch văn hóa, nghệ thuật đương đại và quảng bá hình ảnh quốc gia.

+ Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý, sáng tạo, quảng bá và tiêu dùng văn hóa, hình thành hệ sinh thái văn hóa số đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

e) Nguồn lực thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam

- Bộ Tài chính

+ Xây dựng cơ chế khuyến khích tài chính cho doanh nghiệp quy mô lớn, doanh nghiệp dẫn dắt chuỗi giá trị; hỗ trợ nâng cao năng lực tài chính cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

+ Bố trí nguồn lực cho các chương trình phát triển thương hiệu quốc gia và năng lực doanh nghiệp phù hợp với phân cấp ngân sách.

+ Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu quốc gia gắn với vị thế quốc gia và chiến lược phát triển doanh nghiệp Việt Nam.

+ Triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực quản trị, kết nối với doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp FDI.

+ Thu hút và định hướng FDI chất lượng cao, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp trong nước tham gia sâu vào các chuỗi sản xuất toàn cầu theo tinh thần của Nghị quyết số 50-NQ/TW và Quyết định số 667/QĐ-TTg.

- Bộ Công Thương

+ Chủ trì xây dựng và triển khai Chiến lược thương hiệu quốc gia gắn với vị thế, bản sắc văn hóa và chiến lược phát triển doanh nghiệp Việt Nam.

+ Xây dựng cơ chế, chính sách đột phá thúc đẩy doanh nghiệp phát triển thương hiệu mạnh trong các ngành hàng xuất khẩu chủ lực.

+ Xây dựng chính sách hỗ trợ hình thành doanh nghiệp quy mô lớn, có năng lực dẫn dắt mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong nước và toàn cầu.

+ Xây dựng chính sách nâng cao năng lực doanh nghiệp vừa và nhỏ, kết nối với doanh nghiệp lớn, FDI và quốc tế trong các chuỗi cung ứng ngành công nghiệp - thương mại.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

+ Chủ trì lồng ghép bản sắc văn hóa dân tộc và hình ảnh con người Việt Nam trong xây dựng Chiến lược thương hiệu quốc gia.

+ Phối hợp xây dựng các giá trị cốt lõi văn hóa - lịch sử - truyền thống làm nền tảng truyền thông và định vị thương hiệu Việt Nam trên thị trường quốc tế.

+ Quảng bá hiệu quả hình ảnh quốc gia thông qua các sự kiện văn hóa, thể thao, du lịch trong và ngoài nước.

- Bộ Khoa học và Công nghệ

+ Hỗ trợ doanh nghiệp, bảo hộ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong xây dựng, phát triển thương hiệu quốc gia và thương hiệu sản phẩm.

+ Xây dựng chính sách khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đổi mới mô hình sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng, tăng sức cạnh tranh trên chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

+ Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ tiên tiến, kết nối hiệu quả với các doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp FDI.

- Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm:

+ Phối hợp xây dựng và triển khai hiệu quả Chiến lược thương hiệu quốc gia, bảo đảm thể hiện được vị thế quốc gia, bản sắc văn hóa dân tộc và phẩm chất con người Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới; đồng thời hỗ trợ nâng tầm thương hiệu sản phẩm, ngành hàng, địa phương gắn với chiến lược phát triển bền vững.

+ Xây dựng và thực thi các chính sách đột phá để khuyến khích, thúc đẩy doanh nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu, nhất là các sản phẩm có thế mạnh quốc gia, tiềm năng xuất khẩu và giá trị gia tăng cao trên thị trường khu vực và thế giới.

+ Phối hợp xây dựng hệ sinh thái phát triển doanh nghiệp, trong đó tập trung: Hình thành và phát triển các doanh nghiệp quy mô lớn, có năng lực dẫn dắt các mạng sản xuất và chuỗi giá trị trong nước và quốc tế; hỗ trợ nâng cao

năng lực cạnh tranh, công nghệ, quản trị và kết nối thị trường cho doanh nghiệp vừa và nhỏ; thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp toàn cầu thông qua các cụm liên kết ngành, chuỗi cung ứng, khu công nghiệp - công nghệ hỗ trợ.

+ Xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và thương hiệu doanh nghiệp Việt Nam trong nước và quốc tế; hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu vào các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (FTA), tận dụng hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Truyền thông hiệu quả để nâng cao nhận thức xã hội về thương hiệu quốc gia và thương hiệu doanh nghiệp, coi đây là tài sản chiến lược của quốc gia, là yếu tố quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh tổng thể và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình và đề án được phê duyệt tại Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế chưa hoàn thành được tiếp tục triển khai đến khi hoàn thành.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động này bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tập trung chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Kết luận số 115-KL/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW và Chương trình hành động này; kịp thời xây dựng hoặc lồng ghép, điều chỉnh các chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các bộ, ngành, tổ chức, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung của Kết luận số 115-KL/TW; tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế. Phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương và các bộ, ban,

ngành, cơ quan liên quan triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

4. Rà soát, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ

- Hằng năm, các bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ được giao rà soát, bổ sung Danh mục nhiệm vụ, đề án chi tiết trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành bằng Quyết định để bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ.

- Đối với các nhiệm vụ, kế hoạch, chương trình, đề án đính kèm Chương trình hành động ban hành kèm theo Nghị quyết, các bộ, ngành chủ trì thực hiện kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, điều chỉnh bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội.

5. Biên soạn báo cáo thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế

a) Bộ Tài chính

- Xây dựng đề cương báo cáo và tiêu chí đánh giá các nhóm nguồn lực gửi bộ, ngành và địa phương thực hiện hoàn thành trong quý I năm 2026.

- Chủ trì tổng hợp, biên soạn báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội và nguồn tài lực.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan định kỳ 5 năm hai lần rà soát, cập nhật thực trạng quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế báo cáo Chính phủ, bắt đầu thực hiện từ năm 2026.

b) Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổng hợp, biên soạn báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nguồn nhân lực.

c) Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì tổng hợp, biên soạn báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nguồn lực tài nguyên thiên nhiên.

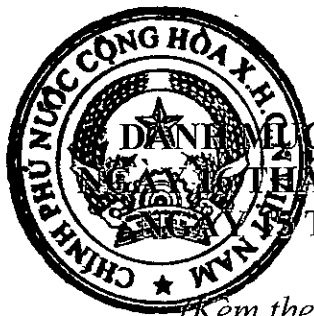
d) Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổng hợp, biên soạn báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

đ) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì tổng hợp, biên soạn báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nguồn lực văn hoá, lịch sử, truyền thống, cảnh quan thiên nhiên, vị trí địa chiến lược của quốc gia.

e) Bộ Công Thương chủ trì tổng hợp, biên soạn báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến nguồn lực thương hiệu quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm Việt Nam.

g) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp với Bộ Tài chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Công Thương biên soạn báo cáo tình hình thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến các nguồn lực theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể, các bộ, ngành, cơ quan, địa phương chủ động đề xuất các biện pháp để thực hiện đồng bộ và có hiệu quả, gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định.



Phụ lục

**PHỤ LỤC NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 115-KL/TW
THÁNG 01 NĂM 2025 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 39-NQ/TW
THÁNG 01 NĂM 2019 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ KHÓA XII VỀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ,
KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÁT HUY CÁC NGUỒN LỰC CỦA NỀN KINH TẾ**
(Kèm theo Chương trình hành động tại Nghị quyết số 12 /NQ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cấp trình	Thời gian thực hiện
I	Đối với nguồn vật lực				
1	Luật sửa đổi Luật Doanh nghiệp nhỏ và vừa	Luật	Bộ Tài chính	Quốc hội	2026
2	Hoàn thành 5.000 km đường cao tốc	Công trình đường bộ	Bộ Xây dựng	Theo nhóm dự án, cấp công trình	Đến năm 2030
3	Xây dựng đường sắt cao tốc Bắc - Nam	Công trình đường sắt	Bộ Xây dựng	Theo nhóm dự án, cấp công trình	Đến năm 2035
4	Xây dựng đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	Công trình đường sắt	Bộ Xây dựng	Theo nhóm dự án, cấp công trình	Đến năm 2030
5	Xây dựng đường sắt kết nối với Lào: Tân Ấp - Mụ Giạ	Công trình đường sắt	Bộ Xây dựng	Theo nhóm dự án, cấp công trình	Sau năm 2030

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cấp trình	Thời gian thực hiện
6	Xây dựng đường sắt kết nối Trung Quốc: Hà Nội - Đồng Đăng, Hạ Long - Móng Cái	Công trình đường sắt	Bộ Xây dựng	Theo nhóm dự án, cấp công trình	Sáu năm 2030
7	Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng các cảng hàng không và hệ thống tổ chức, quản lý bảo đảm hoạt động bay đồng bộ, tiên tiến, hiện đại, an toàn theo tiêu chuẩn của Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế (ICAO); đáp ứng nhu cầu phát triển có tính đến sự hài hòa giữa các vùng miền; hỗ trợ hiệu quả công tác khẩn nguy cứu trợ; kết nối đồng bộ với các phương thức vận tải khác; phát triển vận tải đa phương thức và các trung tâm dịch vụ logistic tại các cảng hàng không có nhu cầu vận tải hàng hóa lớn, đặc biệt là các cảng hàng không đóng vai trò đầu mối.	Theo Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 16/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050			
8	Trung tâm logistics vận tải hàng không: Bố trí các trung tâm logistics tại các cảng hàng không có nhu cầu vận tải lớn hơn 250.000 tấn/năm. Các trung tâm logistics đảm bảo các điều kiện về kho vận và kết nối các loại hình giao thông thích hợp để vận tải hàng hóa tại các cảng hàng không gồm: Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Vân Đồn, Cát Bi, Đà Nẵng, Chu Lai, Long Thành, Cần Thơ và một số cảng hàng không khác khi có nhu cầu vận tải hàng hóa đạt tiêu chí nêu trên. Hình thành trung tâm logistics trung chuyển hàng hóa quốc tế tại cảng hàng không Chu Lai.	Theo Quyết định số 655/QĐ-TTg ngày 16/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050			

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cấp trình	Thời gian thực hiện
II	Đối với nguồn tài lực				
1	Nghị định hướng dẫn thi hành chi tiết một số điều tại Luật Dự trữ quốc gia	Nghị định	Bộ Tài chính	Chính phủ	2026
2	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 305/QĐ-TTg ngày 12/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển dự trữ quốc gia đến năm 2030	Quyết định	Bộ Tài chính	Thủ tướng Chính phủ	2027
III	Nguồn lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
1	Ban hành các Nghị định hướng dẫn ngay khi các Luật được Quốc hội thông qua và có hiệu lực: Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá, Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi).	Nghị định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Chính phủ	Theo kế hoạch được giao
2	Luật Bưu chính (thay thế).	Luật	Bộ Khoa học và Công nghệ	Quốc hội	10/2026
3	Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công nghệ cao (sửa đổi).	Nghị định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Chính phủ	2026
4	Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ.	Nghị định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Chính phủ	2026
5	Nghị định hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.	Nghị định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Chính phủ	2026

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cấp trình	Thời gian thực hiện
6	Nghị định hướng dẫn Luật Chuyển đổi số.	Nghị định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Chính phủ	2026
7	Nghị định hướng dẫn Luật Bưu chính (thay thế).	Nghị định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Chính phủ	2026 - 2027
8	Đề án phát triển các trung tâm kỹ thuật, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong toàn quốc.	Đề án	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thủ tướng Chính phủ	6/2026
9	Đề án kiện toàn tổ chức hoạt động cơ quan tiêu chuẩn đo lường chất lượng theo hướng chỉ một đầu mối cấp quốc gia để thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng thống nhất từ trung ương đến địa phương.	Đề án	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thủ tướng Chính phủ	6/2026
10	Đề án đào tạo phát triển nguồn nhân lực cho lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng trong phạm vi cả nước đến năm 2030 và những năm tiếp theo.	Đề án	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thủ tướng Chính phủ	6/2026
11	Tập trung đầu tư trọng điểm để phát triển các tổ chức nghiên cứu mạnh.	Tổ chức nghiên cứu mạnh	Bộ Khoa học và Công nghệ	Chính phủ	12/2026
12	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 18/11/2020 (M) của Thủ tướng Chính phủ về Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.	Quyết định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2027

TT	Tên nhiệm vụ, kế hoạch chương trình, đề án	Sản phẩm, kết quả	Cơ quan chủ trì	Cấp trình	Thời gian thực hiện
13	Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 10/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng điện thoại Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước.	Quyết định	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thủ tướng Chính phủ	2026 - 2027
14	Đôn đốc các bộ, ngành, địa phương theo dõi, cập nhật và đưa ra biện pháp cải thiện Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII).	Báo cáo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thủ tướng Chính phủ	Hằng năm
15	Triển khai và công bố Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII).	Báo cáo	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thủ tướng Chính phủ	Hằng năm